

Qui tắc cụ thể mặt hàng áp dụng với mặt hàng rau quả trong ATIGA

Mã HS		Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
		Chương 7 - Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được	
07.01		Khoai tây, tươi hoặc ướp lạnh.	
0701	10	- Để làm giống	WO
0701	90	- Loại khác	WO
07.02	00	Cà chua, tươi hoặc ướp lạnh.	WO
07.03		Hành tây, hành, hẹ, tỏi, tỏi tây và các loại rau họ hành, tỏi khác, tươi hoặc ướp lạnh.	
0703	10	- Hành tây và hành, hẹ:	WO
0703	20	- Tỏi:	WO
0703	90	- Tỏi tây và các loại rau họ hành, tỏi khác:	WO
07.04		Bắp cải, hoa lơ, su hào, cải xoăn và cây họ bắp cải ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh.	
0704	10	- Hoa lơ và hoa lơ xanh:	WO
0704	20	- Cải Bruc-xen	WO
0704	90	- Loại khác:	WO
07.05		Rau diếp, xà lách (<i>Lactuca sativa</i>) và rau diếp xoăn (<i>Cichorium spp.</i>), tươi hoặc ướp lạnh.	
		- Rau diếp, xà lách:	
0705	11	- - Xà lách cuộn (head lettuce)	WO
0705	19	- - Loại khác	WO
		- Rau diếp xoăn:	
705	21	- - Rau diếp xoăn rễ củ (<i>Cichorium intybus</i> var. <i>foliosum</i>)	WO
0705	29	- - Loại khác	WO
07.06		Cà rốt, củ cải, củ dền làm sa-lát, diếp củ, cần củ, củ cải ri và các loại củ rễ ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh.	
0706	10	- Cà rốt và củ cải:	WO
0706	90	- Loại khác	WO
07.07	00	Dưa chuột và dưa chuột ri, tươi hoặc ướp lạnh.	WO
07.08		Rau đậu, đã hoặc chưa bóc vỏ, tươi hoặc ướp lạnh.	
0708	10	- Đậu Hà Lan (<i>Pisum sativum</i>)	WO
0708	20	- Đậu hạt (<i>Vigna spp.</i> , <i>Phaseolus spp.</i>):	WO
0708	90	- Các loại rau thuộc loại đậu khác	WO
07.09		Rau khác, tươi hoặc ướp lạnh.	
0709	20	- Măng tây	WO

0709	30	- Cà tím	WO
0709	40	- Cần tây trừ loại cần củ	WO
		- Nấm và nấm cục (nấm củ):	

0709	51	- - Nấm thuộc chi Agaricus	WO
0709	59	- - Loại khác:	WO
0709	60	- Quả ớt thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta:	WO
0709	70	- Rau chân vịt, rau chân vịt New Zealand, rau chân vịt lê (rau chân vịt trồng trong vườn)	WO
		- Loại khác:	
0709	91	- - Hoa a-ti-sô	WO
0709	92	- - Ô liu	WO
0709	93	- - Quả bí ngô, quả bí và quả bầu (Cucurbita spp.)	WO
0709	99	- - Loại khác	WO
07.10		Rau các loại (đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước), đông lạnh.	
0710	10	- Khoai tây	WO
		- Rau đậu các loại, đã hoặc chưa bóc vỏ:	
0710	29	- - Loại khác	WO
0710	30	- Rau chân vịt, rau chân vịt New Zealand, rau chân vịt lê (rau chân vịt trồng trong vườn)	WO
0710	40	- Ngô ngọt	WO
0710	80	- Rau khác	WO
0710	90	- Hỗn hợp các loại rau	WO
07.14		Sắn, củ dong, củ lan, a-ti-sô Jerusalem, khoai lang và các loại củ và rễ tương tự có hàm lượng tinh bột hoặc i-nu-lin cao, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên; lõi cây cọ sago.	
0714	10	- Sắn:	WO
0714	20	- Khoai lang:	RVC(40)
0714	30	- Củ từ (Dioscorea spp.):	RVC(40)
0714	40	- Khoai sọ (Colacasia spp.):	RVC(40)
0714	50	- Củ khoai môn (Xanthosoma spp.):	RVC(40)
0714	90	- Loại khác:	RVC(40)
		Chương 8 - Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa	
08.01		Dừa, quả hạch Brazil và hạt điều, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ.	
		- Dừa:	
0801	11	- - Đã qua công đoạn làm khô	RVC(40) hoặc CC
0801	12	- - Cùi dừa (cơm dừa)	RVC(40) hoặc CC

0801	19	- - Loại khác	RVC(40) hoặc CC
		- Quả hạch Brazil:	
0801	21	- - Chưa bóc vỏ	WO
0801	22	- - Đã bóc vỏ	RVC(40) hoặc CC
		- Hạt điều:	
0801	31	- - Chưa bóc vỏ	WO
08.02		Quả hạch khác, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ.	
		- Quả hạnh nhân:	
0802	11	- - Chưa bóc vỏ	WO
0802	12	- - Đã bóc vỏ	RVC(40) hoặc CC
		- Quả phi hay hạt phi (<i>Corylus spp.</i>):	
0802	21	- - Chưa bóc vỏ	WO
0802	22	- - Đã bóc vỏ	RVC(40) hoặc CC
		- Quả óc chó:	
0802	31	- - Chưa bóc vỏ	WO
0802	32	- - Đã bóc vỏ	RVC(40) hoặc CC
		- Hạt dẻ (<i>Castanea spp.</i>):	
0802	41	- - Chưa bóc vỏ	RVC(40) hoặc CC
0802	42	- - Đã bóc vỏ	RVC(40) hoặc CC
		- Quả hồ trăn (Hạt dẻ cười):	
0802	51	- - Chưa bóc vỏ	RVC(40) hoặc CC
0802	52	- - Đã bóc vỏ	RVC(40) hoặc CC
		- Hạt macadamia (<i>Macadamia nuts</i>):	
0802	61	- - Chưa bóc vỏ	RVC(40) hoặc CC
0802	62	- - Đã bóc vỏ	RVC(40) hoặc CC
0802	70	- Hạt cây cola (<i>cola spp.</i>)	RVC(40) hoặc CC
0802	80	- Quả cau	RVC(40) hoặc CC
0802	90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC

08.03		Chuối, kể cả chuối lá, tươi hoặc khô.	
0803	10	- Chuối lá	RVC(40) hoặc CC
0803	90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
08.04		Quả chà là, sung, vả, dứa, bơ, ổi, xoài và măng cụt, tươi hoặc khô.	
0804	10	- Quả chà là	WO
0804	20	- Quả sung, vả	WO
0804	30	- Quả dứa	WO
0804	40	- Quả bơ	WO
0804	50	- Quả ổi, xoài và măng cụt:	WO
08.05		Quả thuộc họ cam quýt, tươi hoặc khô.	
0805	10	- Quả cam:	WO
0805	20	- Quả quýt các loại (kể cả quýt); cam nhỏ (clementines) và các loại giống lai họ cam quýt tương tự	WO
0805	40	- Quả bưởi, kể cả bưởi chùm	WO
0805	50	- Quả chanh (Citrus limon, Citrus limonum) và quả cháp (Citrus aurantifolia, Citrus latifolia)	WO
0805	90	- Loại khác	WO
08.06		Quả nho, tươi hoặc khô.	
0806	10	- Tươi	WO
0806	20	- Khô	WO
08.07		Các loại dưa (kể cả dưa hấu) và đu đủ, tươi.	
		- Quả họ dưa (kể cả dưa hấu):	
0807	11	- - Quả dưa hấu	WO
0807	19	- - Loại khác	WO
0807	20	- Quả đu đủ:	WO
08.08		Quả táo, lê và quả mộc qua, tươi.	
0808	10	- Quả táo	WO
0808	30	- Quả lê	WO
0808	40	- Quả mộc qua	WO
08.09		Quả mơ, anh đào, đào (kể cả xuân đào), mận và mận gai, tươi.	
0809	10	- Quả mơ	WO
		- Quả anh đào:	
0809	21	- - Quả anh đào chua (Prunus cerasus)	WO
0809	29	- - Loại khác	WO
0809	30	- Quả đào, kể cả xuân đào	WO
0809	40	- Quả mận và quả mận gai:	WO

08.10		Quả khác, tươi.	
0810	10	- Quả dâu tây	WO
0810	20	- Quả mâm xôi, dâu tằm và dâu đỏ	WO
0810	30	- Quả lý gai và quả lý chua, đen, trắng hoặc đỏ	WO
0810	40	- Quả nam việt quất, quả việt quất và các loại quả khác thuộc chi Vaccinium	WO
0810	50	- Quả kiwi	WO
0810	60	- Quả sầu riêng	WO
0810	70	- Quả hồng vàng	WO
0810	90	- Loại khác:	WO
		Chương 20 - Các chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các sản phẩm khác của cây	
20.01		Rau, quả, quả hạch và các phần ăn được khác của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hoặc axít axetic.	
2001	10	- Dưa chuột và dưa chuột ri	RVC (40) hoặc CC
2001	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
20.03		Nấm và nấm cục, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axít axetic.	
2003	10	- Nấm thuộc chi Agaricus	RVC (40) hoặc CC
2003	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
20.04		Rau khác, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axít axetic, đã đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06.	
2004	10	- Khoai tây	RVC (40) hoặc CC
2004	90	- Rau khác và hỗn hợp các loại rau:	RVC (40) hoặc CC
20.05		Rau khác, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axít axetic, không đông lạnh, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 20.06.	
2005	10	- Rau đồng nhất:	RVC (40) hoặc CC
2005	20	- Khoai tây:	RVC (40) hoặc CC
2005	60	- Măng tây	RVC (40) hoặc CC

2005	70	- Ô liu	RVC (40) hoặc CC
2005	80	- Ngô ngọt (<i>Zea mays</i> var. <i>saccharata</i>)	RVC (40) hoặc CC
		- Rau khác và hỗn hợp các loại rau:	
2005	91	- - Măng tre	RVC (40) hoặc CC
2005	99	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
2006	00	Rau, quả, quả hạch, vỏ quả và các phần khác của cây, được bảo quản bằng đường (dạng khô có tẩm đường, ngâm trong nước đường hoặc bọc đường).	RVC (40) hoặc CC
20.08		Quả, quả hạch và các phần khác ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	
		- Quả hạch, lạc và hạt khác, đã hoặc chưa pha trộn với nhau:	
2008	11	- - Lạc:	RVC (40) hoặc CC
2008	19	- - Loại khác, kể cả hỗn hợp:	RVC (40) hoặc CC
2008	20	- Dứa	RVC (40) hoặc CC
2008	30	- Quả thuộc chi cam quýt:	RVC (40) hoặc CC
2008	40	- Lê:	RVC (40) hoặc CC
2008	50	- Mơ:	RVC (40) hoặc CC
2008	60	- Anh đào (Cherries):	RVC (40) hoặc CC
2008	70	- Đào, kể cả quả xuân đào:	RVC (40) hoặc CC
2008	80	- Dâu tây:	RVC (40) hoặc CC
		- Loại khác, kể cả dạng hỗn hợp trừ loại thuộc phân nhóm 2008.19:	
2008	91	- - Lõi cây cọ	RVC (40) hoặc CC
2008	93	- - Quả nam việt quất (<i>Vaccinium macrocarpon</i> , <i>Vaccinium oxycoccos</i> , <i>Vaccinium Vitis-idaea</i>)	RVC (40) hoặc CC

2008	97	- - Dạng hỗn hợp:	RVC (40) hoặc CC
2008	99	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
20.09		Các loại nước ép trái cây (kể cả hèm nho) và nước rau ép, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường chất làm ngọt khác.	
		- Nước cam ép:	
2009	11	- - Đông lạnh	RVC (40) hoặc CC
2009	12	- - Không đông lạnh, với trị giá Brix không quá 20	RVC (40) hoặc CC
2009	19	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
		- Nước bưởi ép (kể cả nước quả bưởi chùm):	
2009	21	- - Với trị giá Brix không quá 20	RVC (40) hoặc CC
2009	29	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
		- Nước ép từ một loại quả thuộc chi cam quýt khác:	
2009	31	- - Với trị giá Brix không quá 20	RVC (40) hoặc CC
2009	39	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
		- Nước dứa ép:	
2009	41	- - Với trị giá Brix không quá 20	RVC (40) hoặc CC
2009	49	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
		- Nước nho ép (kể cả hèm nho):	
2009	61	- - Với trị giá Brix không quá 30	RVC (40) hoặc CC
2009	69	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
		- Nước táo ép:	
2009	71	- - Với trị giá Brix không quá 20	RVC (40) hoặc CC
2009	79	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
		- Nước ép từ một loại quả hoặc rau khác:	
2009	81	- - Quả nam việt quất (Vaccinium macrocarpon, Vaccinium oxycoccos, Vaccinium Vitis-idaea):	RVC (40) hoặc CC

2009	89	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
2009	90	- Nước ép hỗn hợp:	RVC (40) hoặc CC